

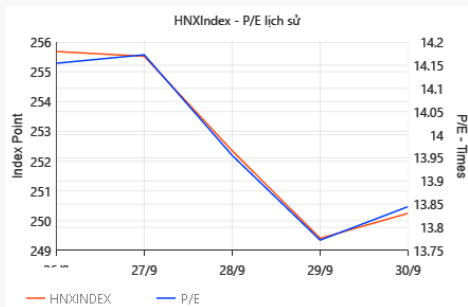


VN-INDEX



Điểm số	1,132.11
Tuần qua (WoW)	-5.91%
Từ đầu năm (YTD)	-24.44%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	17.38%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	11.54%
P/E	12.09
P/B	1.87

HNX -INDEX



Điểm số	250.25
Tuần qua (WoW)	-5.37%
Từ đầu năm (YTD)	-47.20%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	6.62%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	2.94%
P/E	13.84
P/B	1.46

Chuyên viên Phân tích
Đỗ Trung Nguyên
nguyendt@gtjas.com.vn
(024) 35.730.073 - ext:702

HẠN CHẾ BÁN THÁO NHẬN ĐỊNH CHIẾN LƯỢC

Như đã đề cập trong các phần nhận định trong tuần thì chúng tôi cho rằng môi trường chuyển động hiện tại không phải là môi trường mà mức giá thấp sẽ kích hoạt áp lực bán tháo trên toàn thị trường mà ngược lại sẽ là nơi dòng tiền quay lại. Vấn đề chỉ là mức giá cần đủ thấp và áp lực bán giá thấp cùng tâm lý hoảng loạn của một bộ phận trên thị trường cần xuất hiện để dòng tiền quay trở lại. Ngoài ra, phải kể đến việc trong ngày thứ năm Tổng cục Thống kê công bố các số liệu vĩ mô rất tích cực nhưng VNIndex lại phá thủng đáy tạo vào tháng 07/2022 đã tác động vào tâm lý của một bộ phận trên thị trường như chúng tôi vừa đề cập. Một vài luồng thông tin không kiểm chứng trên thị trường còn đề cập đến việc một số quỹ đầu tư bị rút vốn khiến phải bán bớt danh mục để tắt toán với khách hàng.

Những diễn biến nhìn chung là đáng chú ý, và chúng tôi cho rằng hoàn toàn có cơ sở để tin vào việc thị trường đã tạo một đáy không chỉ là ngắn hạn mà còn có thể là trung dài hạn.

CHIẾN THUẬT GIAO DỊCH

Thị trường có một tuần không hề êm ả khi liên tục suy yếu trong bốn ngày đầu tiên trước khi hồi phục trong ngày cuối tuần. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng đây đã là vùng hợp lý để tạo đáy không chỉ ngắn hạn mà cả trung dài hạn. Và việc bán tháo giá thấp là hoàn toàn không cần thiết. Ngược lại, nên cân nhắc giải ngân.



DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM

Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)

Kỳ đầu tư: 6-18 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
BID	24/02/22	1	44,600	Mua	55,000	17.0%	62.2%		-24.0%
VHM	15/02/21	3	77,730	Nắm giữ	81,800	5.2%	61.3%		-9.6%
TCB	27/01/22	1	52,400	Mua	64,500	23.1%	98.5%		-38.0%
NLG	23/08/21	1	36,030	Nắm giữ	34,300	-4.8%	13.2%		-15.9%
MWG*	06/08/21	3	56,500	Nắm giữ	60,650	7.3%		5.5%	168.6%
CTG	04/08/21	1	33,200	Mua	38,400	15.7%	65.5%		-30.1%
VPB*	05/02/21	2	15,213	Nắm giữ	16,447	8.1%		9.4%	92.0%
VIB*	05/02/21	1	25,297	Nắm giữ	32,157	27.1%	46.2%		-13.0%
TPB*	05/02/21	1	19,778	Nắm giữ	25,556	29.2%	2.2%		26.4%
PNJ*	31/07/20	2	80,300	Nắm giữ	85,400	6.3%		25.3%	112.3%
SBT*	02/08/20	2	20,550	Nắm giữ	24,000	16.8%	38.9%		-12.4%
QNS*	08/02/21	1	37,200	Mua	54,000	45.2%	20.0%		21.0%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)

Kỳ đầu tư: 3-6 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Lợi nhuận kỳ vọng	Lãi/Lỗ hiện tại
VCB	2/8/2022	75,000 - 79,000	101,000	31.20%	-4.9%
BID	2/8/2022	37,000 - 40,000	52,000	35.10%	-11.9%
MBB	2/8/2022	21,667 - 22,917	30,000	34.60%	-10.3%
VND	2/8/2022	19,800 - 21,000	28,500	39.70%	-14.2%
VCI	2/8/2022	32,308 - 34,615	46,154	37.90%	-12.1%
HPG	2/8/2022	22,000 - 23,500	31,000	36.30%	-6.8%
NKG	2/8/2022	18,000 - 19,500	25,500	36.00%	-2.4%
PVD*	8/8/2022	17,000 - 18,600	22,700	27.50%	11.2%
LHG	12/8/2022	37,000 - 40,000	58,000	50.65%	-34.8%
SNZ	12/8/2022	40,400 - 45,000	64,000	49.88%	-17.8%
VCI	12/8/2022	35,385 - 37,692	46,154	26.32%	-19.5%
PVS	23/8/2022	26,800 - 29,000	37,000	32.62%	-16.8%
PVC	23/8/2022	18,800 - 22,200	26,700	30.24%	-12.2%



VN-INDEX



(Đồ thị tuần của VNIndex)



(Đồ thị ngày của VNIndex)

Nhận định

VNINDEX có tuần giảm 5.9%, mở cửa tuần thấp hơn hẳn tham chiếu và xấp xỉ mức cao nhất tuần, đóng cửa tuần thấp hơn mở cửa tuần và cao hơn đáng kể so với mức thấp nhất tuần, khối lượng giao dịch cả tuần cao hơn tuần liền trước và ở mức trung bình.

Thị trường giảm khá sâu ngay khi mở cửa tuần và sau đó tiếp tục suy yếu, đóng cửa ngày thứ hai đầu tuần với khối lượng giao dịch lớn, và dù có sự hồi phục từ mức thấp nhất ngày nhưng với việc đánh mất vùng điểm 1,200 với áp lực bán mạnh thì sự hồi phục như vậy là chưa đủ. Thanh khoản thị trường sụt giảm mạnh khi không còn lực mua giá thấp hỗ trợ và VNIndex giảm liên tục trong ba ngày giao dịch tiếp theo. Việc một mức điểm được cho là quan trọng và ảnh hưởng đến tâm lý thị trường như 1,200 bị thất thủ đã khiến lực mua tạm thời rời bỏ thị trường, để chờ đợi những vùng giá thấp hơn khi mà áp lực bán giải chấp có thể xuất hiện. Và điều này có lẽ đã diễn ra trong phiên ngày thứ sáu cuối tuần, khi mà ở phiên ngày thứ năm trước đó thị trường đã phá thủng đáy thiết lập vào đầu tháng 07/2022. Chúng ta chứng kiến áp lực bán áp đảo trong ngày thứ sáu trước



khi được hấp thụ hoàn toàn và lực mua được đẩy mạnh vào thị trường giúp thị trường bật mạnh lên và thậm chí vượt lên khỏi tham chiếu, đóng cửa tăng nhẹ.

Như đã đề cập trong các phần nhận định trong tuần thì chúng tôi cho rằng môi trường chuyển động hiện tại không phải là môi trường mà mức giá thấp sẽ kích hoạt áp lực bán tháo trên toàn thị trường mà ngược lại sẽ là nơi dòng tiền quay lại. Vấn đề chỉ là mức giá cần đủ thấp và áp lực bán giá thấp cùng tâm lý hoảng loạn của một bộ phận trên thị trường cần xuất hiện để dòng tiền quay trở lại. Ngoài ra, phải kể đến việc trong ngày thứ năm Tổng cục Thống kê công bố các số liệu vĩ mô rất tích cực nhưng VNIndex lại phá thủng đáy tạo vào tháng 07/2022 đã tác động vào tâm lý của một bộ phận trên thị trường như chúng tôi vừa đề cập. Một vài luồng thông tin không kiểm chứng trên thị trường còn đề cập đến việc một số quỹ đầu tư bị rút vốn khiến phải bán bớt danh mục để tắt toán với khách hàng.

Những diễn biến nhìn chung là đáng chú ý, và chúng tôi cho rằng hoàn toàn có cơ sở để tin vào việc thị trường đã tạo một đáy không chỉ là ngắn hạn mà còn có thể là trung dài hạn.

Vai trò	Vùng điểm của VNIndex
Hỗ trợ	1,100
Kháng cự	1,200 - 1,210



THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG

1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)

Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
BMC	11/10/21	25,200 – 27,200	45,200	21,100	1:3	1.1%	33,000	21.3%
TNG	24/08/21	22,833 – 24,120	31,833	21,481	1:3	36.8%	38,950	61.5%
SLS	18/08/21	131,000 – 147,000	212,000	125,000	1:3	2.0%	172,730	17.5%
BWE*	16/07/21	35,000 – 36,000	45,000	32,900	1:3	58.3%	62,000	72.2%
LAS*	21/06/21	13,000 – 14,000	19,000	11,800	1:2.3	78.6%	27,800	98.6%
ABI*	17/06/21	45,614 – 49,123	65,789	42,982	1:2.7	26.2%	68,000	38.4%
VND*	09/06/21	14,600 – 15,600	21,000	13,500	1:2.5	105.1%	36,250	132.4%
DPG*	31/05/21	26,500 – 27,929	42,571	24,000	1:4	199.0%	97,920	250.6%
GVR	28/05/21	26,300 – 29,500	48,400	23,900	1:3.5	25.1%	43,300	46.8%
BID	28/05/21	36,400 – 38,400	51,600	33,600	1:3	15.9%	49,950	30.1%
SSI*	20/05/21	21,000 – 22,300	27,850	19,700	1:2	81.6%	52,130	133.8%
SGR	12/05/21	25,500 – 28,500	44,000	24,000	1:3.5	35.2%	43,550	61.3%
BSR*	11/05/21	14,900 – 16,100	22,000	13,600	1:2.3	100.6%	33,500	108.1%
SMC*	11/05/21	29,000 – 31,250	41,670	25,850	1:2	12.6%	45,740	46.4%
BCG*	12/04/21	13,200 – 13,600	17,533	12,333	1:3	98.5%	28,850	112.1%
GMD*	07/04/21	33,800 – 35,000	53,800	32,700	1:5	68.6%	62,200	77.7%
STB*	30/03/21	19,500 – 21,000	28,500	18,300	1:3	61.9%	36,700	74.8%
TTF*	29/03/21	6,900 – 7,500	13,000	6,200	1:4	93.3%	17,950	139.3%
VIC*	26/03/21	96,900 – 101,300	128,900	95,100	1:4.5	6.6%	129,690	28.0%
VCB	18/03/21	74,530 – 76,250	97,000	72,700	1:6	18.0%	96,000	25.9%
GEG*	08/03/21	15,610 – 16,650	24,245	14,580	1:4	47.1%	27,360	35.1%
FCN*	08/03/21	13,700 – 14,700	21,700	13,100	1:4.5	97.3%	37,000	151.7%
PVD*	05/03/21	23,500 – 25,500	40,000	21,900	1:4	41.6%	33,580	58.0%
TIG*	05/03/21	7,545 – 8,455	13,636	7,273	1:4.5	172.0%	28,800	240.6%
GAS*	17/02/21	80,000 – 83,500	117,000	73,700	1:3.5	44.9%	130,440	56.2%
CNG*	17/02/21	19,900 – 21,000	29,500	18,600	1:3.5	119.0%	49,100	133.8%
CCL*	17/02/21	8,930 – 9,820	16,070	7,770	1:3	73.1%	18,570	89.1%
SAM*	17/02/21	10,730 – 11,590	21,555	9,770	1:5	81.2%	28,260	143.8%
LAF*	27/01/21	12,800 – 14,500	21,500	11,800	1:2.5	57.9%	27,000	86.2%
VSH*	25/01/21	18,000 – 19,700	30,000	16,900	1:3.5	132.0%	48,000	143.7%
MSR*	21/12/20	19,000 – 21,000	31,000	17,800	1:3	40.5%	34,300	63.3%
SFI*	09/12/20	29,200 – 31,000	46,500	27,700	1:5	153.2%	88,260	184.7%
PGV*	23/11/20	12,510 – 13,462	22,510	11,271	1:4	174.8%	42,290	85.6%
CKG*	19/11/20	8,230 – 8,650	11,300	7,890	1:3.5	283.8%	41,800	383.2%
DRI*	20/10/20	4,030 – 4,530	9,530	3,230	1:4	312.8%	20,780	358.7%
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	1:3	508.0%	100,000	629.9%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	1:4	322.3%	125,200	372.1%
IDC*	28/05/21	36,000 – 38,500	56,000	33,000	1:3	55.1%	59,700	55.1%
SGP*	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	281.8%	42,000	281.8%
SMC*	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36*	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS*	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS*	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC*	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%

Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%



Các trạng thái đã cắt lỗ

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)

Các mã đã rút khỏi Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Lợi nhuận	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
TDM*	30/07/21	30,050	40,000	33.1%	32.8%	41.1%
HAH*	03/08/21	34,300	42,100	22.7%	268.1%	469.9%
OCB*	02/08/21	24,300	27,700	14.0%	25.5%	53.0%
SZC*	23/04/21	35,750	41,000	14.7%	38.1%	144.3%
DHC*	30/10/20	34,440	38,760	17.1%	88.7%	171.2%
ACB*	05/02/21	22,830	29,110	27.5%	58.3%	69.8%
MBB*	11/06/21	29,185	32,593	11.7%	113.3%	175.7%

Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
VHM*	31/05/21	75,820	75,550	0%	38.6%	15/02/22	81,800	+8.3%
MWG*	08/02/21	128,500	154,500	20.2%	133.4%	06/08/21	184,000	+19.1%
VHM*	16/11/20	76,600	88,315	15.3%	33.9%	31/5/21	102,300	+15.8%
HAH*	31/05/21	28,200	35,100	24.5%	105.5%	03/08/21	60,000	+70.9%
OCB*	20/05/21	20,720	24,800	19.7%	17.3%	02/08/21	27,700	+11.7%
HAH	02/04/21	24,650	29,800	20.9%	14.4%	31/05/21	35,100	+17.8%
MBB*	05/02/21	39,400	27,000	9.1%	130.6%	11/06/21	44,000	+62.9%
SBT*	02/11/20	18,500	22,200	20.0%	11.1%	08/02/21	24,000	+8.1%
ACB*	28/09/20	22,500	27,400	27.5%	26.7%	05/02/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/09/20	22,800	27,400	20.2%	62.3%	05/02/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/09/20	17,087	20,000	17.0%	44.8%	05/02/21	27,000	+35.0%
MWG*	31/07/20	73,470	123,000	67.4%	74.9%	08/02/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/07/20	51,000	74,200	45.5%	58.6%	08/02/21	86,000	+15.9%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.
Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.
Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.



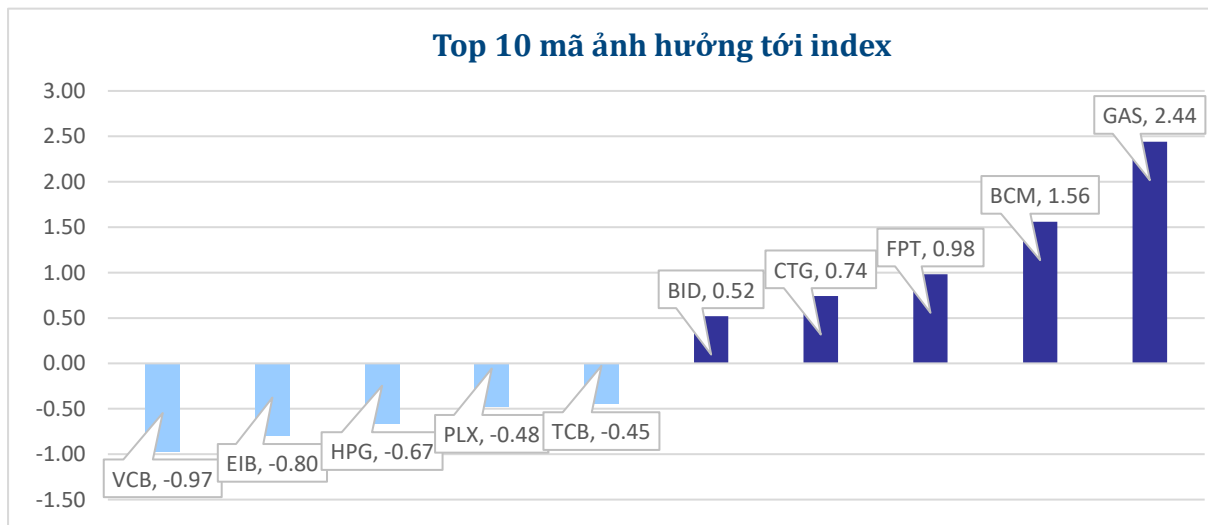
FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG PHIÊN CUỐI TUẦN
BIẾN ĐỘNG NGÀY

Chỉ số	Điểm số	Biến động	Điểm	Khối lượng GD (triệu CP)	Giá trị GD (tỷ đồng)	Số mã tăng	Số mã không đổi	Số mã giảm
VN - Index	1,132.11	0.54%	6.04	729.67	17,135.8	192	73	264
Vn30 - Index	1,152.01	0.40%	4.57	165.11	5,073.7	15	5	10
Vn - Mid	1,510.82	0.15%	2.30	340.42	8,898.2	34	10	26
VN - Small	1,350.63	0.54%	7.28	121.98	2,125.9	77	33	106
HNX - Index	250.25	0.34%	0.84	74.09	1,324.1	77	46	214
Upcom - Index	84.96	-0.30%	-0.26	52.03	549.7	121	83	236

THANH KHOẢN NGÀY

Sàn	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thay đổi so với phiên trước	Khối lượng giao dịch (triệu CP)	Thay đổi so với phiên trước
HSX	17,135.80	52.55%	729.67	48.47%
HNX	1,324.10	22.41%	74.09	28.15%

CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG NGÀY

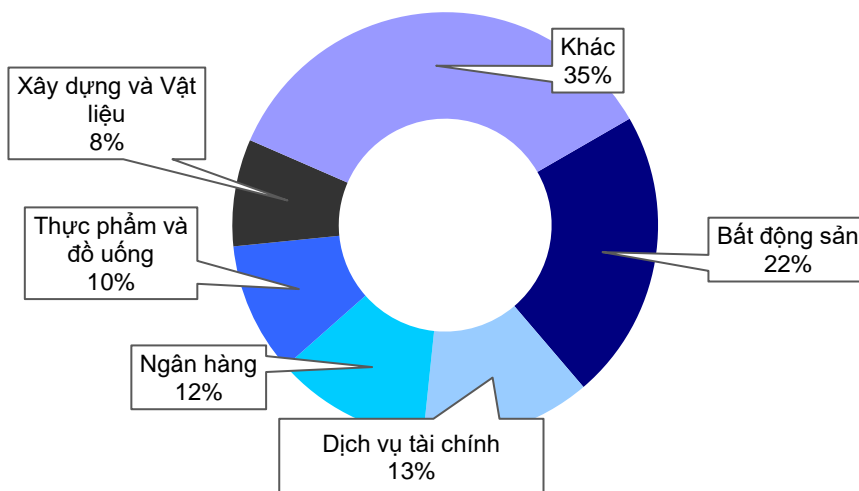


Top KLGĐ (triệu cổ phiếu)		Top GTGD (tỷ đồng)		Đột biến khối lượng (%KL/KL10 phiên)		Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)		Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)	
HAG	31.44	HPG	494.4	SKG	502%	BCM	7.0%	EIB	-6.9%
HPG	23.37	DGC	415.5	PNJ	253%	DGC	6.9%	DXS	-6.8%
VND	21.99	HAG	401.5	CTR	249%	HAG	6.9%	TTF	-6.1%
SSI	20.63	NVL	396.7	VHM	208%	HDC	6.9%	VCG	-4.5%
STB	16.49	SSI	392.0	LPB	206%	FTS	6.7%	PLX	-4.2%

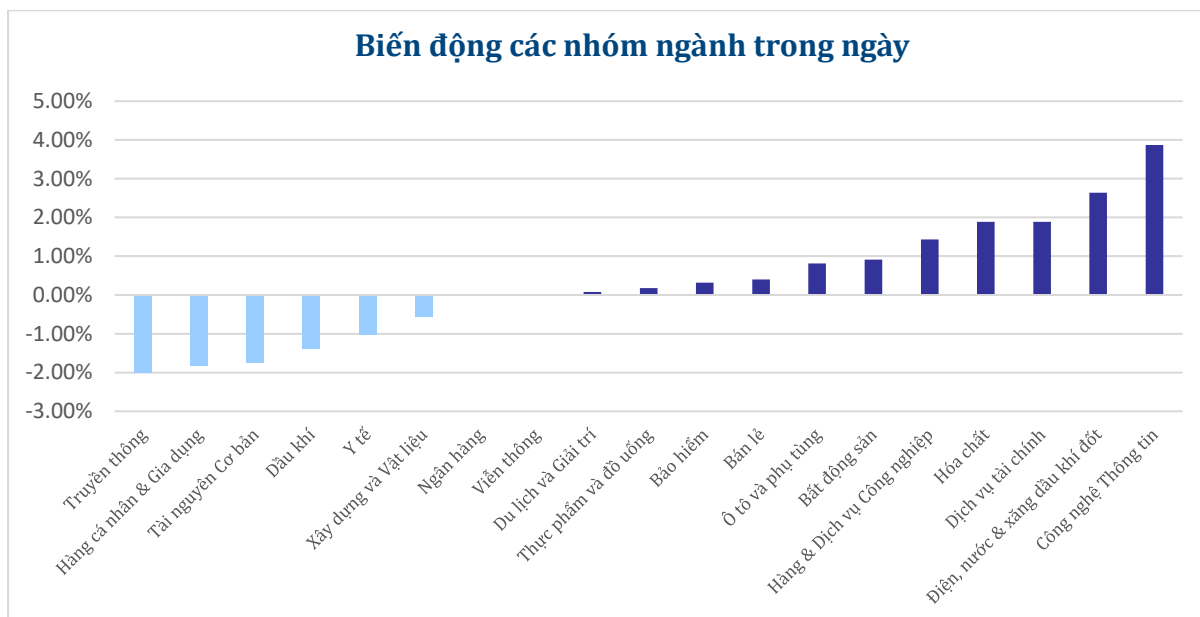


NHÓM NGÀNH

Thanh khoản ngành trong ngày



Biến động các nhóm ngành trong ngày

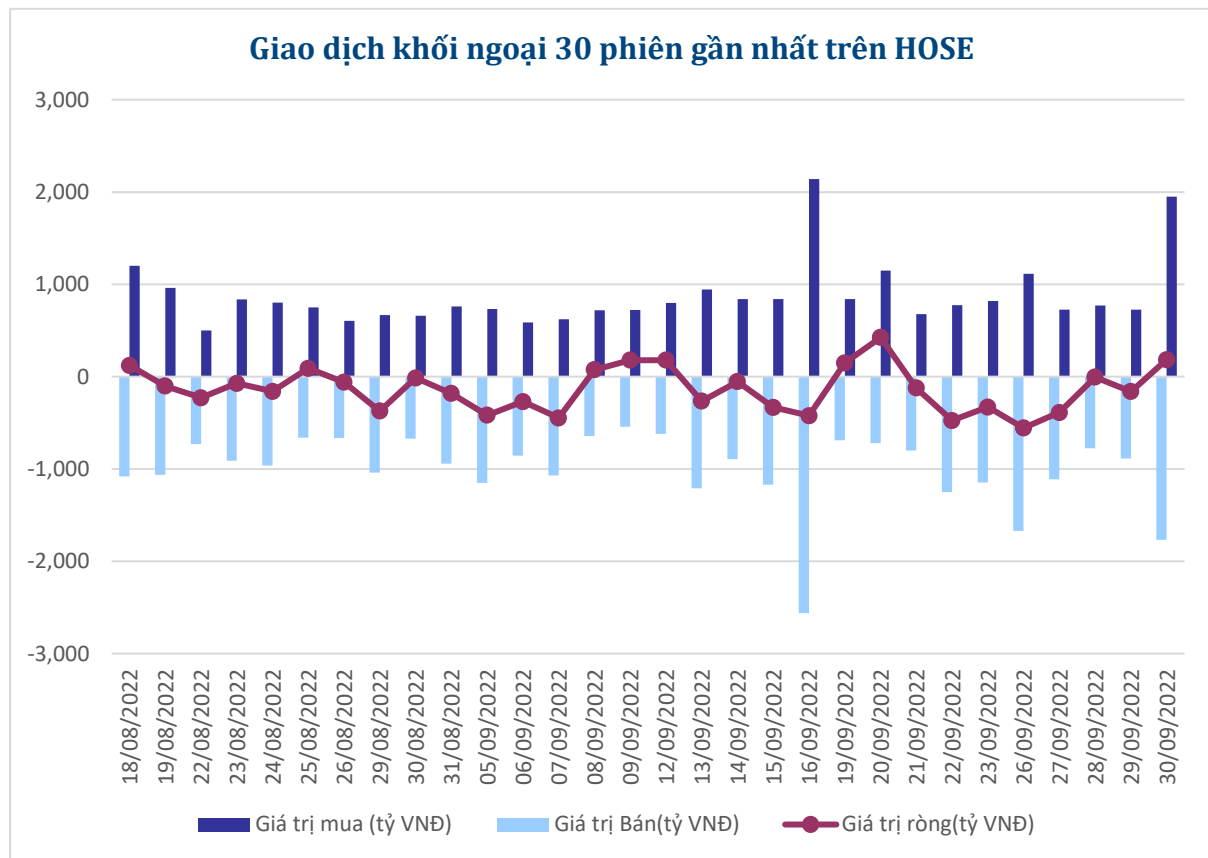




GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

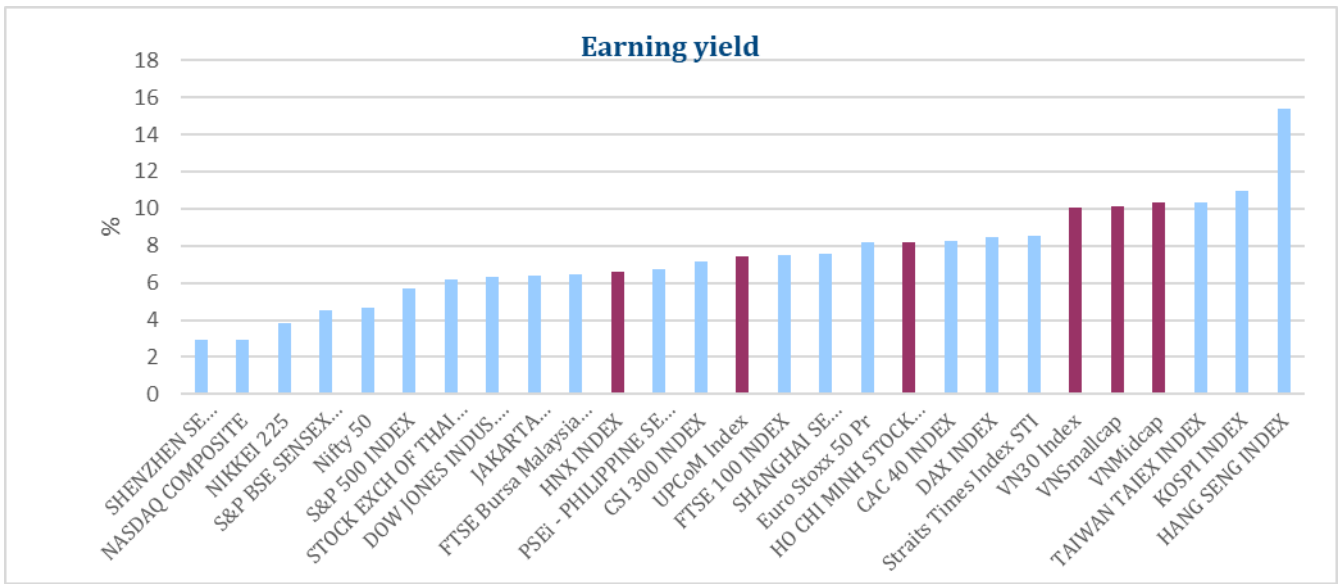
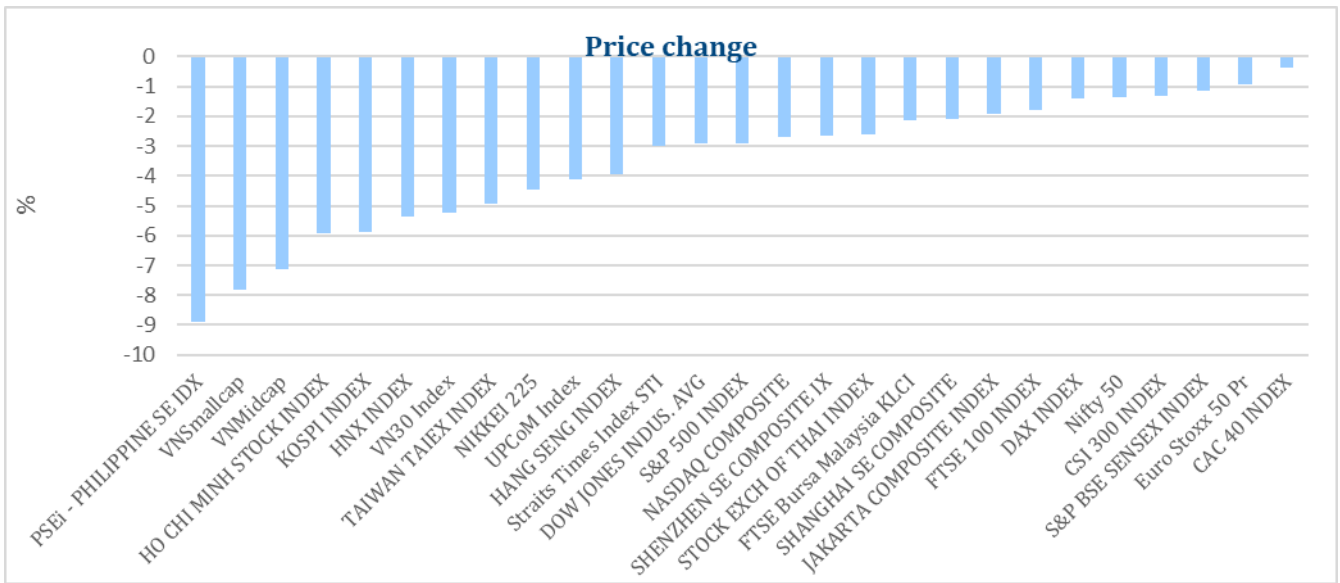
Trên HOSE mua ròng 182.93 tỷ đồng còn trên HNX mua ròng 6.87 tỷ đồng.

Top CP mua ròng	Giá trị mua ròng (tỷ đồng)	Top CP bán ròng	Giá trị bán ròng (tỷ đồng)
DGC	117.57	NVL	132.34
KBC	80.70	VHM	85.68
DPM	57.80	HAH	76.84
DXG	45.24	HPG	75.60
PVD	43.70	VND	29.76





BIẾN ĐỘNG CỦA CÁC CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU TRONG TUẦN

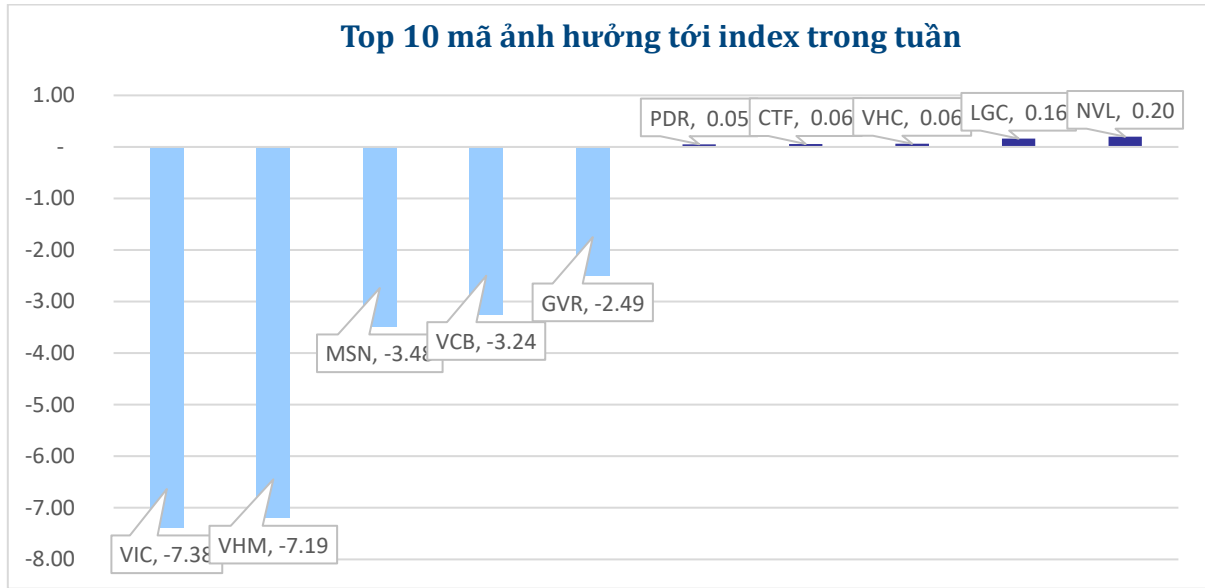


ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG (P/E lịch sử 12 tháng gần nhất)



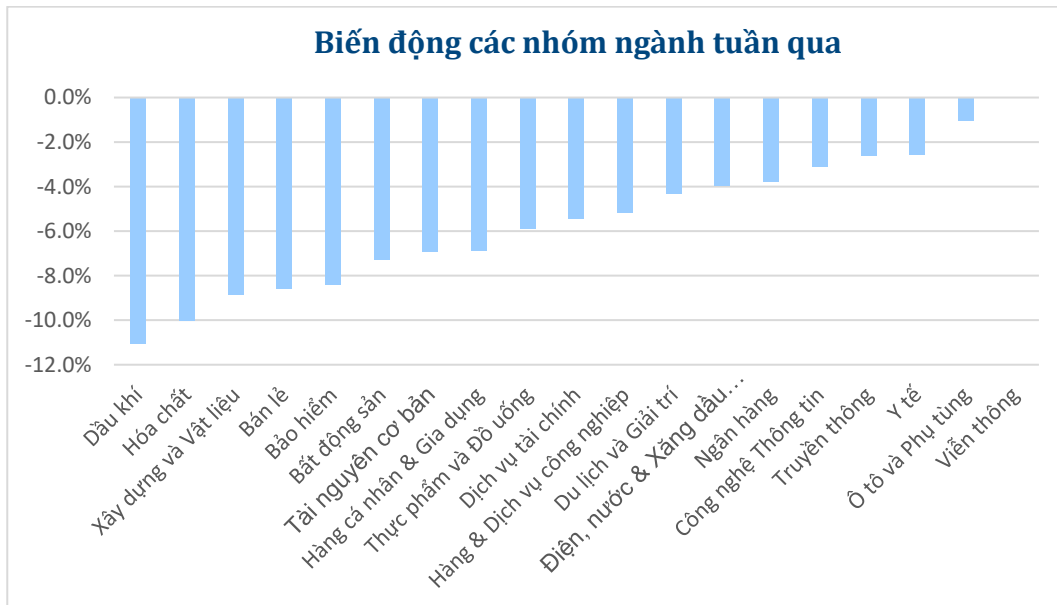


CỔ PHIẾU NỔI BẬT TUẦN QUA



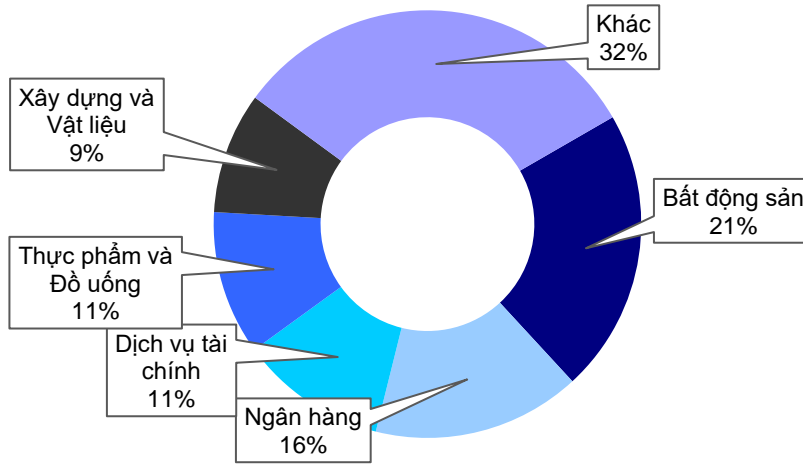
Top KLGD (triệu cp/phiên)	Top GTGD (tỷ đồng/phiên)	Đột biến khối lượng (KLtuan/KL3thang) đv: lần	Top tăng điểm với thanh khoản cao	Top giảm điểm với thanh khoản cao
HAG	HAG	VEA	CTF	IDI
32.4	423.4	3.52x	14.7%	-22.9%
VND	DGC	PLC	BSI	LHG
19.2	370.5	3.37x	2.7%	-22.7%
HPG	HPG	PVB	TCH	HAH
16.5	361.8	3.25x	2.7%	-20.5%
SSI	VND	CTI	FIR	DBC
16.0	336.8	3.22x	1.9%	-19.7%
VPB	SSI	KDH	DDG	IJC
12.5	312.4	3.15x	1.8%	-18.9%

NHÓM NGÀNH TRONG TUẦN





Đóng góp thanh khoản trong tuần

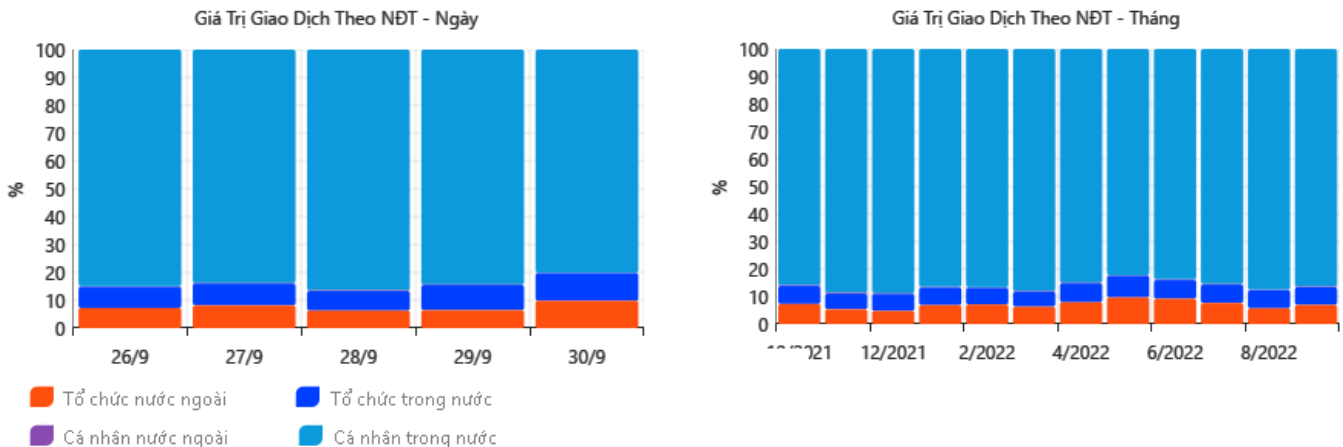


DÒNG TIỀN TRÊN THỊ TRƯỜNG

GIAO DỊCH THEO NHÀ ĐẦU TƯ

Top giao dịch của Cá nhân			Top giao dịch của Tổ chức		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
EIB	-1.44%	7,512.0	VNM	-5.74%	1,390.4
HAG	-4.68%	4,170.5	HPG	-6.61%	1,216.4
NVL	0.47%	3,737.4	E1VFN30	-4.32%	958.9
DGC	-17.01%	3,277.4	DXG	-18.15%	898.4
VND	-5.66%	3,045.4	MWG	-7.78%	893.5

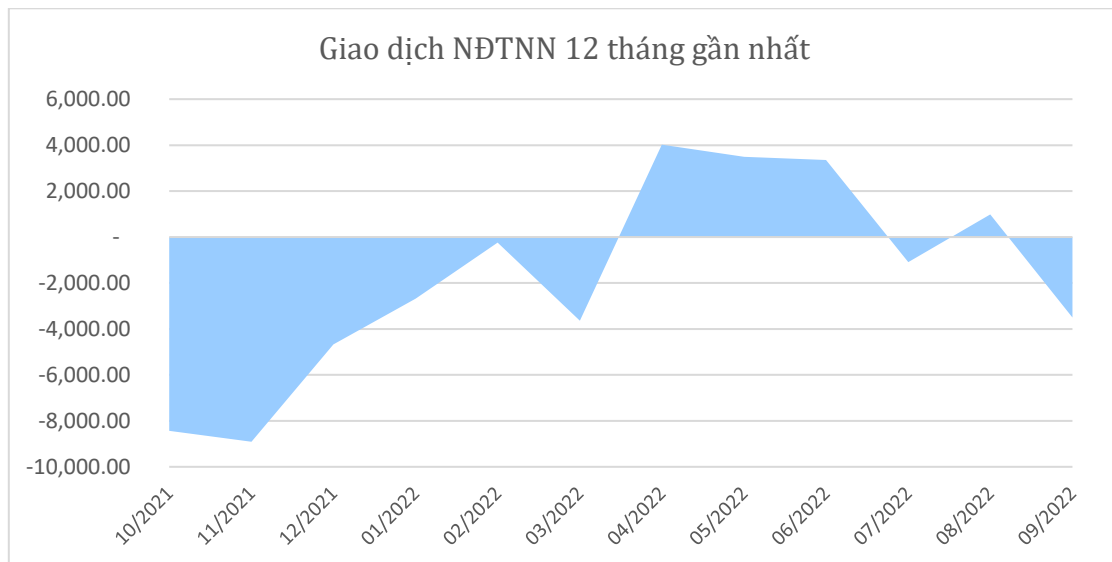
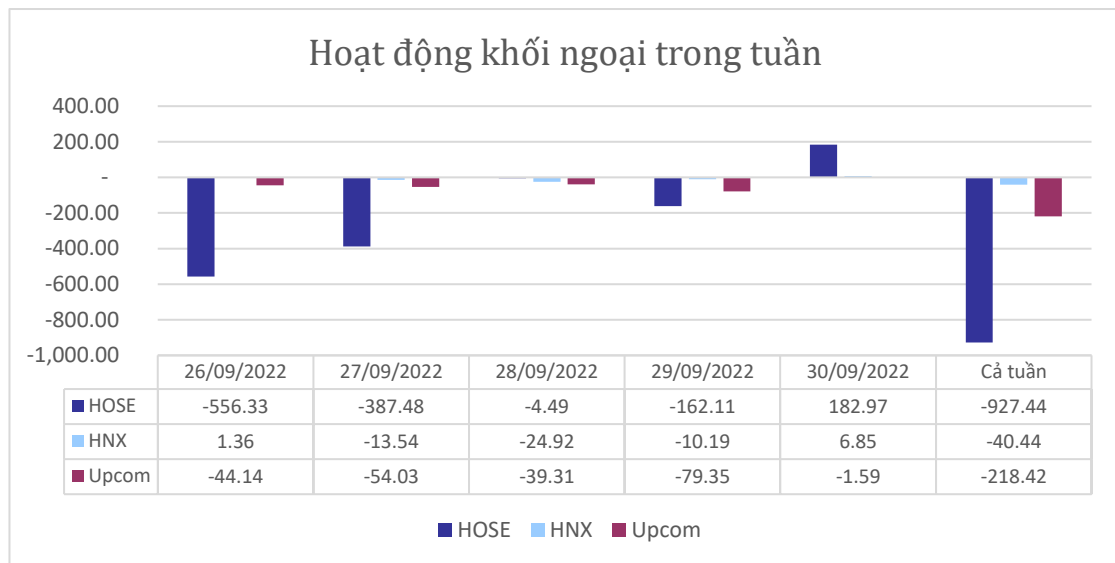
Tỷ trọng giao dịch





KHỐI NGOẠI

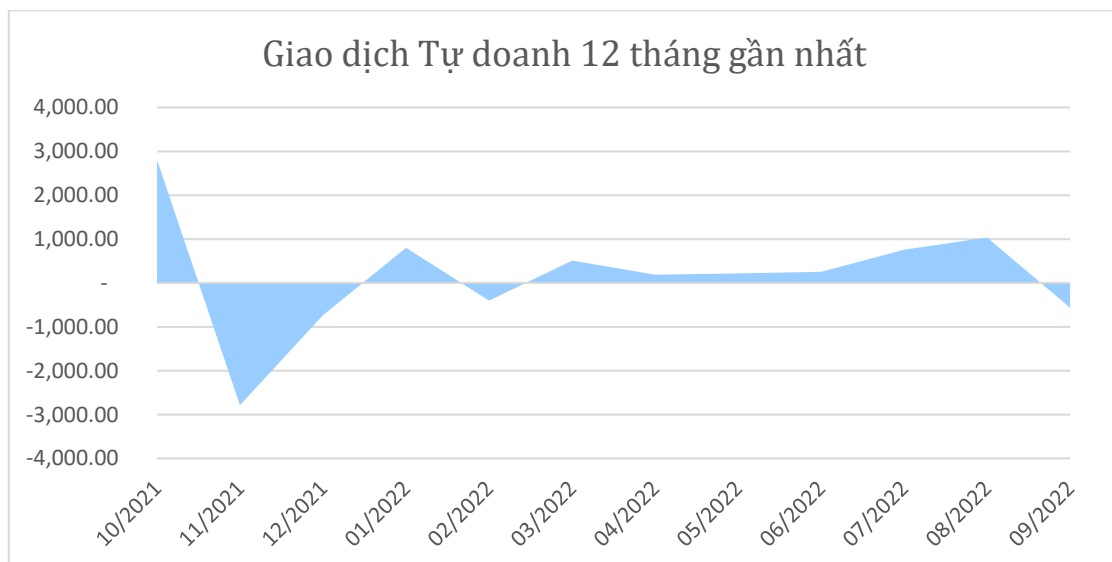
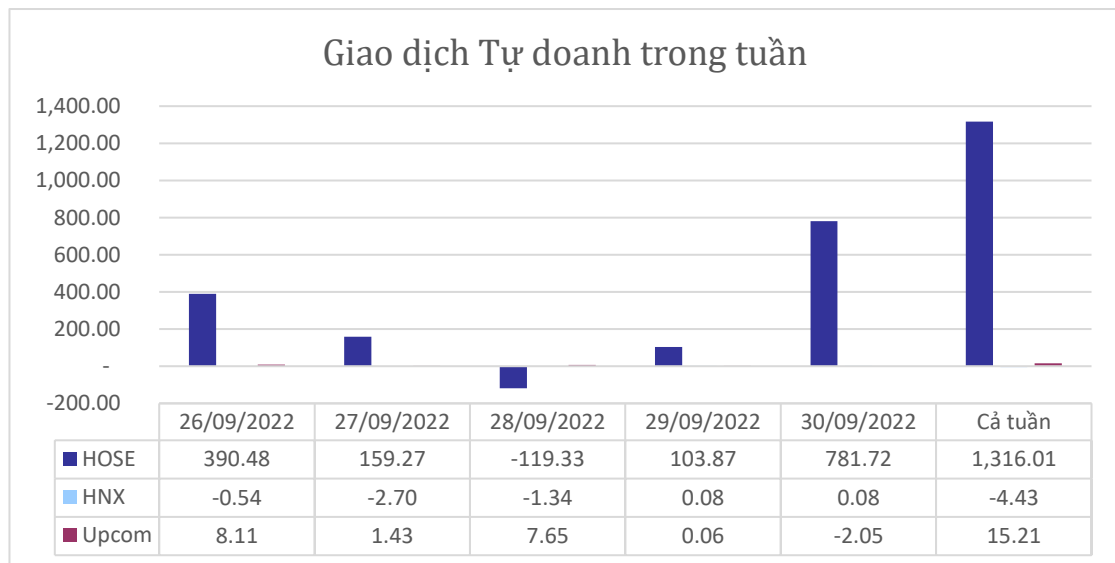
Top khối ngoại mua ròng			Top khối ngoại bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
DGC	-17.01%	76.80	NLG	-14.65%	311.78
E1VFN30	-4.32%	76.67	KDH	-10.38%	238.89
KBC	-2.03%	72.69	VNM	-5.74%	197.52
PVD	-10.81%	72.12	NVL	0.47%	197.30
VHC	1.56%	56.98	HAH	-20.50%	129.41





KHOẢNG TỰ DOANH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

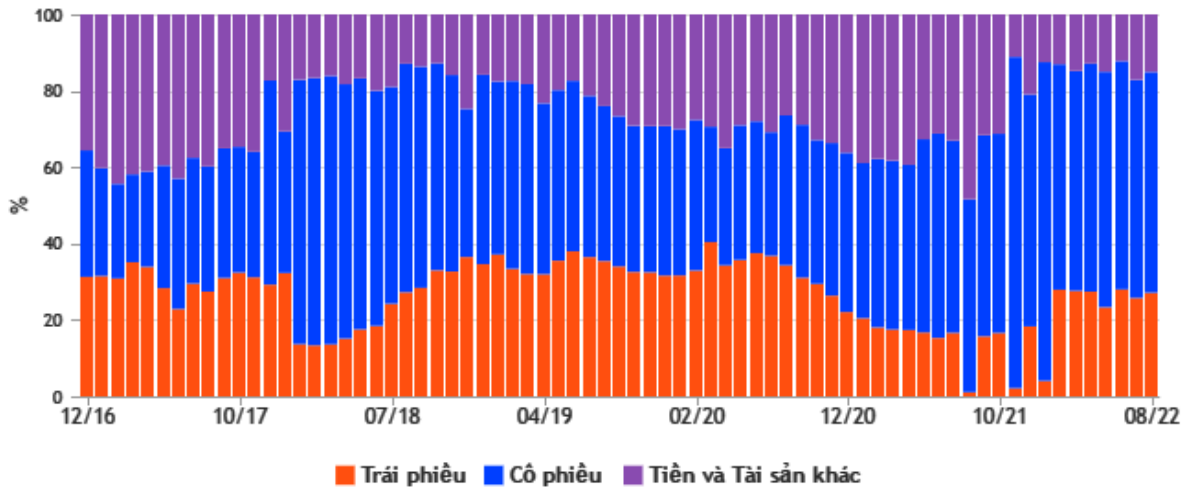
Top Tự doanh Mua ròng			Top Tự doanh Bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
NVL	0.47%	251.01	E1VFN30	-4.32%	334.13
HPG	-6.61%	166.14	DXG	-18.15%	184.79
VHM	-11.36%	150.23	EIB	-1.44%	96.13
VNM	-5.74%	138.53	OGC	-5.23%	52.48
VIC	-12.14%	127.93	NLG	-14.65%	51.90



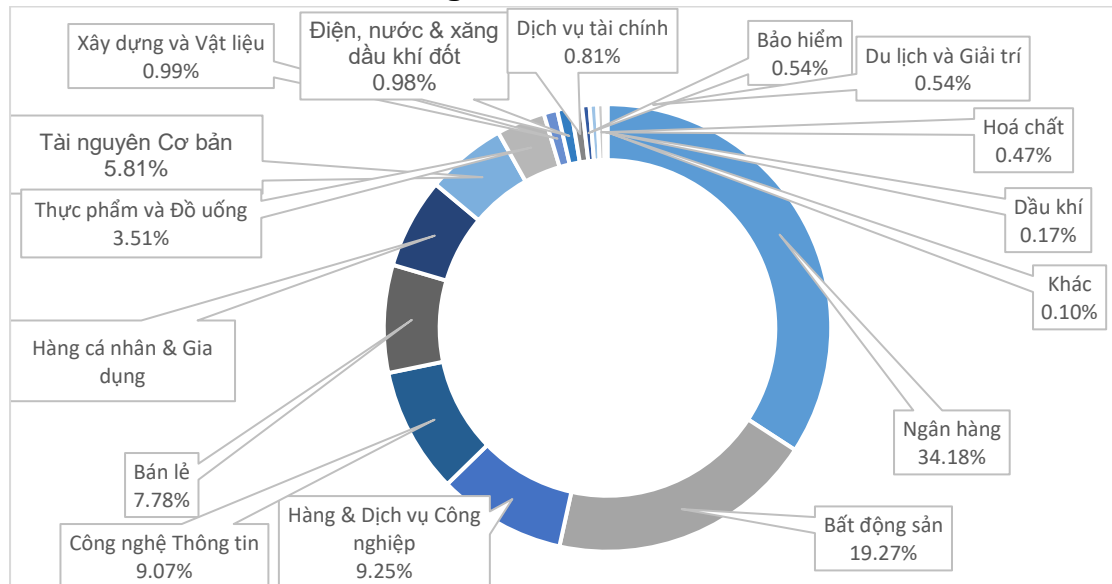


TỔ CHỨC (do finpro platform theo dõi)

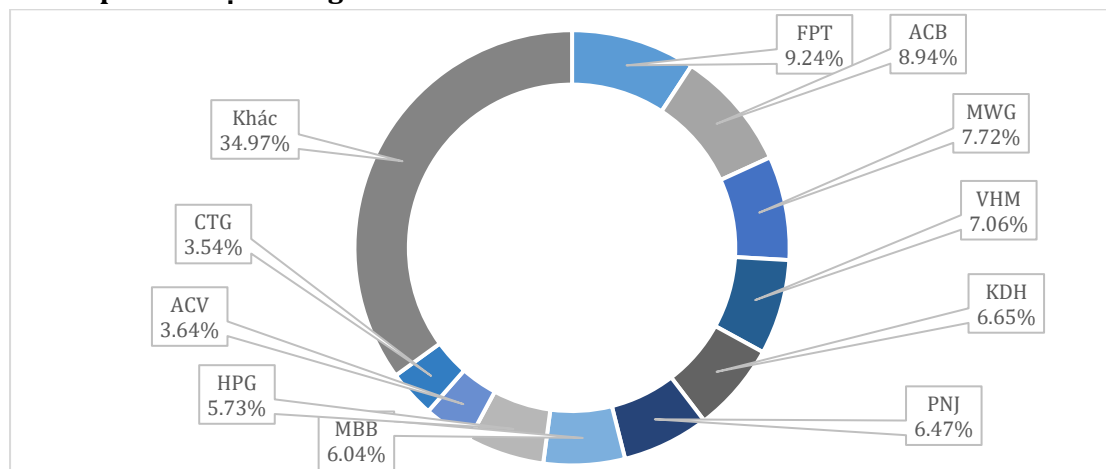
Phân bổ tài sản



Phân bổ các khoản đầu tư theo ngành



Các cổ phiếu được nắm giữ nhiều nhất





LỊCH SỰ KIẾN TUẦN TỚI

MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIẾN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
VLG	Upcom	Trả cổ tức năm 2021 (300 đ/cp)	03/10/22	04/10/22	26/10/22
PLP	HSX	Niêm yết bổ sung 10.000.000 cp		03/10/22	03/10/22
SBM	Upcom	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 10%)	03/10/22	04/10/22	03/10/22
ATG	Upcom	ĐHČĐ thường niên 2022	03/10/22	04/10/22	03/10/22
MML	Upcom	Giao dịch 273.600 cổ phiếu niêm yết bổ sung	03/10/22	03/10/22	03/10/22
HC1	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000 đ/cp)	03/10/22	04/10/22	31/10/22
TIG	HNX	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 10:1)	03/10/22	04/10/22	03/10/22
VDB	Upcom	Giao dịch đầu tiên 788.728 cổ phiếu ĐKGD bổ sung			03/10/22
NBB	HSX	ĐHČĐ bất thường lần 1 năm 2022	04/10/22	05/10/22	04/10/22
PPT	Upcom	ĐHČĐ bất thường năm 2022 (lần 1)	04/10/22	05/10/22	04/10/22
SAF	HNX	Trả cổ tức bằng cp (tỷ lệ 10%), thưởng cp (tỷ lệ 9,8%)	04/10/22	05/10/22	04/10/22
SFI	HSX	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2022 (2.000 đ/cp)	04/10/22	05/10/22	19/10/22
BVS	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (800 đ/cp)	04/10/22	05/10/22	20/10/22
CBS	Upcom	ĐHČĐ thường niên 2022	04/10/22	05/10/22	04/10/22
TNW	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (700 đ/cp)	04/10/22	05/10/22	14/10/22
SBT	HSX	ĐHČĐ thường niên niên độ 2021-2022	04/10/22	05/10/22	28/10/22
USC	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (350 đ/cp)	04/10/22	05/10/22	20/10/22
SNZ	Upcom	Trả cổ tức năm 2021 (1.000 đ/cp)	04/10/22	05/10/22	26/10/22
HD2	Upcom	Trả cổ tức năm 2021 (500 đ/cp)	04/10/22	05/10/22	28/10/22
NVT	HSX	ĐHČĐ Bất thường năm 2022			05/10/22
HU4	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000 đ/cp)	05/10/22	06/10/22	26/10/22
BSH	Upcom	Trả cổ tức đợt 1/2022 (1.000 đ/cp)	05/10/22	06/10/22	24/10/22
EVF	HSX	Giao dịch 26.577.073 cp niêm yết bổ sung			05/10/22
UIC	HSX	ĐHČĐ bất thường năm 2022	05/10/22	06/10/22	05/10/22
HPD	Upcom	Trả cổ tức năm 2022 (1.000 đ/cp)	05/10/22	06/10/22	20/10/22
VTH	HNX	Giao dịch đầu tiên 2.899.989 cổ phiếu niêm yết bổ sung			05/10/22
TDC	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (700 đ/cp)	06/10/22	07/10/22	28/10/22
PSN	Upcom	Trả cổ tức năm 2021 (700 đ/cp)	06/10/22	07/10/22	28/10/22
DM7	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	06/10/22	07/10/22	06/10/22
CLL	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (2.400 đ/cp)	06/10/22	07/10/22	19/10/22
CTT	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.300 đ/cp)	06/10/22	07/10/22	14/10/22
TNH	HSX	ĐHČĐ bất thường lần 1 năm 2022	06/10/22	07/10/22	06/10/22
C69	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022	06/10/22	07/10/22	06/10/22
DAH	HSX	Giao dịch 50.000.000 cp niêm yết bổ sung		08/03/22	06/10/22
KBC	HSX	Giao dịch 100.000.000 cp niêm yết bổ sung		27/10/21	06/10/22
HDP	Upcom	Giao dịch 450.000 cổ phiếu niêm yết bổ sung	06/10/22	06/10/22	06/10/22
TV3	HNX	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 20:3)	06/10/22	07/10/22	06/10/22
MBB	HSX	Giao dịch 755.664.356 cp niêm yết bổ sung			06/10/22
CSM	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (300 đ/cp)	06/10/22	07/10/22	21/10/22
BCM	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (700 đ/cp)	07/10/22	10/10/22	28/10/22
BTP	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (1.500 đ/cp)	07/10/22	10/10/22	31/10/22



MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIỆN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
TTG	Upcom	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022	07/10/22	10/10/22	07/10/22
BSI	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (700 đ/cp)	07/10/22	10/10/22	28/10/22
ASM	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (1.500 đ/cp)	07/10/22	10/10/22	04/11/22
ICN	Upcom	ĐHCĐ bất thường 2022	07/10/22	10/10/22	04/11/22
DXG	HSX	ĐHCĐ bất thường năm 2022	07/10/22	10/10/22	07/10/22
XMP	Upcom	Trả cổ tức năm 2021 (1.000 đ/cp)	07/10/22	10/10/22	26/10/22
NT2	HSX	Chi trả cổ tức còn lại năm 2021 (650 đ/cp)	07/10/22	10/10/22	20/10/22
GMD	HSX	Chi tạm ứng cổ tức năm 2021 (1.200 đ/cp)	07/10/22	10/10/22	25/10/22
VGP	HNX	ĐHCĐ thường niên năm 2022, trả cổ tức bằng tiền mặt (700 đ/cp)	07/10/22	10/10/22	20/12/22



XẾP HẠNG CỔ PHIẾU

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index.**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Khuyến nghị	Định nghĩa
Mua	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq 15\%$ Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Tích lũy	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
Giảm tỷ trọng	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
Bán	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

XẾP HẠNG NGÀNH

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Xếp loại	Định nghĩa
Vượt trội	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
Kém hiệu quả	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

KHUYẾN CÁO

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và không nên xem báo cáo này là nội dung tư vấn đầu tư chứng khoán khi đưa ra quyết định đầu tư và Nhà đầu tư phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại nào là hệ quả phát sinh từ hoặc liên quan tới việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này.

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu của công ty. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và cán bộ, Tổng giám đốc, nhân viên có thể có một mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nỗ lực để chuẩn bị báo cáo trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam không tuyên bố hay cam đoan, bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện quan điểm của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo tại thời điểm công bố và không được hiểu là quan điểm của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các Nhà đầu tư bao gồm nhà đầu tư tổ chức và nhà đầu tư cá nhân của Guotai Junan Việt Nam tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng tại quốc gia nơi báo cáo này được phân phối và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua, bán hay nắm giữ chứng khoán cụ thể nào ở bất kỳ quốc gia nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng Nhà đầu tư. Nhà đầu tư hiểu rằng có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Nội dung của báo cáo này, bao gồm nhưng không giới hạn nội dung khuyến cáo không phải là căn cứ để Nhà đầu tư hay một bên thứ ba yêu cầu Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và/hoặc chuyên viên chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào với Nhà đầu tư hay một bên thứ ba liên quan đến quyết định đầu tư của Nhà đầu tư và/hoặc nội dung của báo cáo này.

Bản báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện có thẩm quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.



GUOTAI JUNAN VIETNAM RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY

Đỗ Trung Nguyên

Chief Investment strategy

nguyendt@gtjas.com.vn

(024) 35.730.073 – ext:702

Võ Thế Vinh

Head of Research

vinhvt@gtjas.com.vn - ext:701



LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM
Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM
Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999	Điện thoại: (024) 35.730.073	Điện thoại: (028) 38.239.966
Email: info@gtjas.com.vn Website: www.gtjai.com.vn	Fax: (024) 35.730.088	Fax: (028) 38.239.696